

Số: 2812/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 244a/TTr-SNN&PTNT ngày 25 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa
bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Tưới, tiêu bằng lợi dụng thủy triều:

- a) Đối với đất trồng lúa: 495.017 đồng/ha/vụ;
b) Mầu, cây công nghiệp ngắn ngày: 459.402 đồng/ha/vụ;
c) Cây ăn quả: 483.145 đồng/ha/vụ;
d) Nuôi trồng thủy sản: 580.664 đồng/ha/năm.

2. Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ:

- a) Đối với đất trồng lúa: 509.121 đồng/ha/vụ;
b) Mầu, cây công nghiệp ngắn ngày: 505.858 đồng/ha/vụ;
c) Cây ăn quả: 580.441 đồng/ha/vụ.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này là
giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Điều 1
của Quyết định này là căn cứ tính toán, đề nghị Trung ương hỗ trợ, quyết toán

với Trung ương về tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để đầu tư duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chủ sở hữu và các cơ quan quản lý công trình thủy lợi; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm áp dụng mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Quyết định này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự toán hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; rà soát, tổng hợp diện tích, số lượng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở tổ chức thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý, sử dụng hợp lý nguồn kinh phí được phân bổ hàng năm từ nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và thực hiện công tác thanh, quyết toán theo đúng quy định.

6. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương, các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 209.KTNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH